

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HSST

Ngày: 24- 01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Hà Trọng Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 148/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lương Minh A - Sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: B1901 Chung cư T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh Đ và bà Lê Thị T; vợ: Thái Thị Huyền H, có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Phạm Thị Ngọc A1 - Sinh năm 1993
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Số nhà D N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc chị Phạm Thị Ngọc A1 có vay nợ tiền của vợ chồng Lương Minh A, nên khoảng 08h30' ngày 06/10/2023, Lương Minh A điều khiển xe ô tô Hyun Dai - I10, màu trắng, BKS 36A - 631.13, là xe mượn của anh Thái Doãn T1

đến nhà chị Phạm Thị Ngọc A1 để đòi nợ. Sau đó chị Ngọc A1 bảo Minh A chở đến Ngân hàng H2, ở số B T, phường Đ, thành phố T, là nơi chị Ngọc A1 làm việc để lấy tiền. Đến khoảng 11h30' cùng ngày chị Ngọc A1 chưa thu hồi được nợ từ khách hàng nên Minh A chở chị Ngọc A1 về nhà. Khoảng 13h30' cùng ngày, Minh A tiếp tục quay lại nhà chị Ngọc A1 yêu cầu đi cùng lên Cơ quan Công an để giải quyết công nợ. Trên đường đi, chị Ngọc A1 có gọi điện thoại cho người quen để vay tiền nhưng không được. Đến khoảng 14h30' cùng ngày, Minh A đi đến số B N, phường B, thành phố T đón vợ là Thái Thị Huyền H, sau đó chở chị Ngọc A1 đi lòng vòng trong thành phố T để xoay tiền trả nợ cho vợ chồng Minh A. Đến khoảng 16h30' cùng ngày, Minh A đi đến khu vực gần Khách sạn M, phường Đ, thành phố T đón con gái là cháu Lương Minh H1, sinh năm 2019, sau đó quay lại nhà chị Ngọc A1 để nói chuyện với chồng và bố mẹ chồng chị Ngọc A1 về việc vay nợ. Đến khoảng 20h00' cùng ngày, Minh A tiếp tục yêu cầu chị Ngọc A1 đi cùng vợ chồng Minh A để tìm phương án trả nợ, khi đến số I P, phường T, thành phố T (là cửa hàng kinh doanh đồ ăn nhanh của vợ chồng Minh A), Minh A nảy sinh ý định giữ chị Ngọc A1 lại nên vào cửa hàng lấy dây thắt bằng nhựa ra trói buộc tay chị Ngọc A1 vào ghế phụ của xe ô tô, chị H can ngăn, bảo Minh A mở trói cho chị Ngọc A1 nhưng Minh A không nghe. Đến khoảng 21h30' cùng ngày, Minh A đi về Chung cư T - B, phường Đ, thành phố T thì dừng lại để chị H đưa con lên nhà thay đồ. Lúc này, Minh A cắt dây trói và yêu cầu chị Ngọc A1 sang xe ô tô Ford Everest, BKS 36A - 850.76 (là xe của vợ chồng Minh A) rồi tiếp tục dùng dây thắt bằng nhựa trói buộc tay chị Ngọc A1 vào ghế phụ của xe ô tô. Sau khi thay đồ cho con, do lo sợ Minh A có hành động quá khích nên chị H lại bế con xuống xe ngồi cùng. Minh A điều khiển xe đi lòng vòng trong khu vực phường Đ, sau đó dừng xe trên đường L, phường Đ, thành phố T để nói chuyện và yêu cầu chị Ngọc A1 tìm phương án trả nợ. Đến khoảng 23h00 cùng ngày, chị Ngọc A1 đã nhắn tin và gửi định vị vị trí của mình cho chị Phan Đăng Quỳnh C, sinh năm 2002, ở số A C, phường Q, thành phố T nói là đang bị giữ, nhờ chị C báo Công an giúp. Sau đó, chị C đã đến Công an phường Đ trình báo sự việc. Đến 00h10' ngày 07/10/2023, Công an phường Đ đến đường L, phường Đ, thành phố T thì phát hiện chị Ngọc A1 đang bị giữ trên xe ô tô BKS 36A - 850.76, thấy cán bộ Công an đến thì Minh A đã tự cắt dây trói cho chị Ngọc A1. Ngay sau đó Công an phường Đ đã đưa các bên liên quan cùng phương tiện, tang vật về trụ sở làm việc.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do Công an phường Đ lập hồi 03h00' ngày 07/10/2023, xác định trên thân thể chị Phạm Thị Ngọc A1 có các dấu vết sau: 01 vết tẩy đỏ, kích thước (1,5 x 0,4)cm tại vị trí cổ tay phải; 01 vết tẩy đỏ, kích thước (2 x 2)cm tại vị trí cổ tay trái; 01 vết bầm tím không rõ hình, kích thước (1 x 2)cm ở phía ngoài bắp tay phải.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: Đối với các dây thắt bằng nhựa Lương Minh A dùng để trói buộc tay chị Phạm Thị Ngọc A1, Cơ quan điều tra

chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe ô tô BKS 36A - 850.76, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa Lương Minh A và chị Thái Thị Huyền H, đăng ký chủ sở hữu là Lương Minh A hiện đang thế chấp tại ngân hàng A2, do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với xe ô tô Huyn Dai - I10, màu trắng, BKS 36A - 631.13 là xe Lương Minh A mượn của anh Thái Doãn T1 nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Về dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc A1 không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với chị Thái Thị Huyền H, là vợ của bị can Lương Minh A có đi cùng với Minh A nhưng để nhằm mục đích can ngăn, nên hành vi không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra nhắc nhở, giáo dục.

Tại cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lương Minh A về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Minh A từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng, đề nghị tiêu hủy các đoạn dây nhựa màu trắng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại gì.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do đòi nợ không được nên khoảng 20h ngày 06/10/2023 đến khoảng 00h10' ngày 07/10/2023 tại địa bàn phường T và phường Đ, thành phố T, Lương Minh A đã dùng dây thắt bằng nhựa buộc tay chị Phạm Thị Ngọc A1, giữ chị Ngọc A1 trên xe ô tô, khi Công an phường Đ phát hiện Lương Minh A đã tự cắt dây trói cho chị Ngọc A1. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của người bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Minh A đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân, vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo (điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là người bị hại có đơn đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Hơn nữa, nguyên nhân của việc bị cáo phạm tội xuất phát từ việc vay nợ giữa vợ bị cáo (chị Thái Thị Huyền H) và người bị hại (chị Phạm Thị Ngọc A1), bị cáo đã bột phát thực hiện hành vi phạm tội, không có sự chuẩn bị, tính toán trước, do đó cũng cần xem xét cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo Điều 36 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc A1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về vật chứng: 07 đoạn dây nhựa màu trắng là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Minh A phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt: Bị cáo Lương Minh A: 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lương Minh A cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không

giám giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc A1 không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 07 đoạn dây nhựa màu trắng tại phong bì thư của Công an phường Đ, được dán niêm phong, có hình dấu của Công an phường Đ, kèm các chữ ký chữ viết của Đỗ Viết T2, Hồ Ngọc P, Phan Đăng Quỳnh C, Lương Minh A.

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 100/2024THA ngày 18/01/2024 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh